

Sử dụng tiếng Việt với mục đích hỗ trợ trong lớp học tiếng Anh không chuyên tại trường đại học

Nguyễn Thị Hoa*

*ThS. Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Thủ đô Hà Nội

Received: 08/04/2024; Accepted: 16/04/2024; Published: 26/4/2024

Abstract: Currently, Vietnamese is still being used in many foreign language classes in general, and English classes in particular. At universities, Vietnamese is used very often in classes for non-English major students. Using the mother tongue for technical instructions or theoretical issues is considered the easiest way to convey knowledge to students, however overusing the mother tongue will make students unable to There are many opportunities to practice English, thereby hindering the development of English skills for many students. Through learning about the theory of English teaching methods, the author offers some suggestions on using Vietnamese in English lessons for non-majors with the aim of supporting students to develop their skills. their ability to use English effectively.

Keywords: Vietnamese is used in classes for non-English major students

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt hiện tại vẫn đang được sử dụng trong nhiều lớp học ngoại ngữ nói chung, và các lớp học Tiếng Anh nói riêng. Tại các trường đại học, ngoài các lớp học chuyên ngành Tiếng Anh hoặc lớp dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thì có thể nói rằng tiếng Việt được sử dụng rất thường xuyên trong những lớp học dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để hướng dẫn kỹ thuật hoặc các vấn đề liên quan tới lý thuyết được cho là cách dễ dàng nhất để truyền tải kiến thức cho sinh viên, tuy nhiên việc lạm dụng tiếng mẹ đẻ sẽ làm cho sinh viên không có nhiều cơ hội nhiều để thực hành Tiếng Anh, từ đó cản trở việc phát triển kỹ năng sử dụng Tiếng Anh của nhiều sinh viên. Thông qua việc tìm hiểu về lý thuyết phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, tác giả đưa ra một số đề xuất trong việc sử dụng Tiếng Việt trong các giờ học Tiếng Anh của sinh viên không chuyên nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng sử dụng Tiếng Anh của họ một cách hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh giảng dạy Tiếng Anh tại một số trường đại học

Tại các trường đại học, sinh viên không chuyên tiếng Anh không có chứng chỉ ngoại ngữ theo đúng chuẩn năng lực đầu ra của Bộ Giáo dục và đào tạo phải đăng ký học học phần Tiếng Anh. Một số sinh viên trong những lớp học này không có nền tảng tiếng Anh quá tốt từ trước. Chính vì vậy các sinh viên này gặp những khó khăn nhất định trong quá

trình học tập môn học này.

Việc học tập ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp đã trở nên rất phổ biến hiện nay. Theo phương pháp này, giảng viên và sinh viên được khuyến khích sử dụng ngôn ngữ đích (NNĐ - tiếng Anh) nhiều nhất có thể. Tuy nhiên thực tế cho thấy, trong giờ học Tiếng Anh dành cho hệ không chuyên, hiện tượng giảng viên và sinh viên sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) khá thường xuyên và có nhiều ý kiến trái chiều về vấn đề sử dụng Tiếng Việt trong lớp học tiếng Anh. Một số người cho rằng việc dùng tiếng Việt là biện pháp đơn giản, nhanh gọn trong truyền tải kiến thức và mang lại hiệu quả tích cực trong học tập. Tuy nhiên, một số khác cho rằng việc quá lạm dụng sẽ làm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng Anh, từ đó làm chậm quá trình phát triển kỹ năng của người học.

Vấn đề “Nên hay không nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong dạy học ngoại ngữ”, hay “Tiếng mẹ đẻ - trở ngại hay hỗ trợ cho việc dạy học ngoại ngữ”, trong xu hướng nghiên cứu chung của các nhà tâm lý ngôn ngữ và giáo dục học cho đến nay vẫn chưa đi đến kết luận thống nhất. Hiện vẫn có song song hai quan điểm ‘Không thể triệt tiêu hoàn toàn việc sử dụng tiếng Việt trong các lớp học tiếng Anh’ và ‘Cần thiết thực hành và vận dụng hoàn toàn tiếng Anh trong giờ học ngoại ngữ’ không mâu thuẫn và gây cản trở lớn trong việc dạy học tiếng Anh, người dạy cần được linh hoạt hơn trong chọn lựa xử lý nội dung bài dạy. Khi người dạy chủ động đầu tư thời gian, chuẩn bị thiết kế nội dung và tiên lượng được các tình huống có thể trong lớp học, thì những nguyên nhân do hạn

chế thời gian hoặc yếu tố phức tạp của vấn đề từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp, cũng như sự chênh lệch về khả năng của các sinh viên ... đều có thể giải quyết bằng NND mà không cần sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ. Phương pháp dịch, 'chiến lược thời gian', 'biện pháp tăng cường quan hệ thầy-trò' thông qua việc sử dụng tiếng Việt, nhằm làm cho người học thu được nhiều lợi ích hơn trong quá trình thụ đắc tiếng Anh, vẫn chứa đựng bên trong những nguy cơ lâu dài làm hạn chế tiến bộ của người học. Sự tỉnh táo nhận ra những nguy cơ này sẽ giúp người dạy và người học tự động giảm cường độ sử dụng tiếng Việt trong quá trình dạy và học của chính mình. Người dạy cần có những chiến thuật hỗ trợ trong giảng dạy giúp cho sinh viên hiểu được vấn đề.

2.2. Ưu điểm của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giờ học

Atkinson (1987, 422) dẫn ra nguyên nhân chính về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học ngoại ngữ là do "*Xu hướng ưa thích hơn*", người học diễn dịch mọi kiến thức mới sang tiếng mẹ đẻ một cách tự nhiên cho dù người dạy khuyến khích hay không; điều này đặc biệt đúng với các bậc học sơ cấp (beginner) và tiền trung cấp (pre-intermediate).

Tiếng Việt thường được sử dụng là ngôn ngữ hướng dẫn trong giờ học hỗ trợ người học thực hiện các nhiệm vụ như làm việc nhóm, làm việc theo cặp, làm việc dự án một cách thành công và không nhầm lẫn.

Tương tự như Atkinson (1987), một số nhà giáo dục như Prabhu (1987) và Willis (1990) cho rằng chiến lược sử dụng tiếng mẹ đẻ là chiến lược hiệu quả, nó giúp người dạy yên tâm hoàn thành nội dung giảng dạy cũng như những yêu cầu đã định trước trong một thời gian hạn chế. Cụ thể như trong một số trường hợp, việc giải thích các danh từ trừu tượng bằng NND (Tiếng Anh) sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với sử dụng tiếng mẹ đẻ.

Bên cạnh đó, Tiếng Việt được cho là rất hữu ích khi sử dụng để dạy ngữ pháp. Trong khi dạy ngữ pháp, đôi khi, những lời giải thích có thể được đưa ra một cách thận trọng bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh

2.3. Ưu điểm của việc sử dụng tiếng Anh trong giờ học

Mặc dù việc sử dụng tiếng Việt được cho lớp học ngoại ngữ mang lại những ưu điểm nhất định tuy nhiên việc sử dụng NND (tiếng Anh) thường xuyên đã được chứng minh là mang lại hiệu quả tích cực đối với người học. Bất kỳ lớp học ngoại ngữ nào cũng cần tạo ra cơ hội cho sinh viên vận dụng NND.

Người học cần phải tiếp cận với NND nhiều nhất có thể để họ trở nên quen thuộc với ngôn ngữ mà họ mong muốn học tập.

Lớp học sử dụng tiếng Anh cần thường xuyên cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành, trau dồi và tiến bộ hơn. Thay vì việc tự học ở nhà hoặc học bằng một nền tảng website nào đó, người học khi tới lớp có thể cùng bạn học luyện tập một số kỹ năng như kỹ năng nghe, kỹ năng nói. Việc luyện tập những kỹ năng này cũng có thể thông qua việc nghe giáo viên giảng bài hay trả lời các câu hỏi được đặt ra trên lớp học. Ngoài ra, họ cũng có thể tham gia vào một số tình huống đóng vai (role-play) có liên quan tới nội dung bài học.

Nhiều nghiên cứu chứng minh rằng những học viên được hòa mình vào môi trường 100% ngoại ngữ sẽ có tiến bộ nhanh và rõ rệt hơn những sinh viên không có môi trường tốt như vậy. Việc sử dụng Tiếng Anh liên tục hỗ trợ cho khả năng tiếng Anh của tất cả sinh viên tốt hơn rõ rệt.

2.4. Ảnh hưởng sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ (NNMĐ) đến quá trình thụ đắc NND

Xét quan hệ của việc sử dụng NNMĐ cùng với NND trong lớp học ngoại ngữ, theo Duff (1989) *đúng trên bình diện về sự phát triển ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp, việc giao tiếp trong lớp học nên diễn ra bằng NND - tiếng Anh càng nhiều càng tốt*. Bên cạnh đó, Atkinson (1987, 426), dù nhìn chung là ủng hộ việc sử dụng tiếng mẹ đẻ, vẫn cảnh báo rằng sự lệ thuộc một cách quá độ vào NNMĐ sẽ gây ra một số hậu quả như sau: người học luôn có cảm giác họ không 'thực sự' hiểu bất kỳ một đơn vị từ ngữ nào cho đến khi nó được 'dịch' ra bằng tiếng mẹ đẻ; người học và cả người dạy đã vô tình đơn giản hoá một cách hoàn toàn khái quát nội dung và hàm ngôn của ngôn ngữ để chấp nhận một hiểu biết 'dịch' thô và không chính xác; người học không ý thức về vấn đề luyện tập thực hành tiếng, họ trao đổi dễ dãi với bạn bè và thầy giáo bằng tiếng Việt trong khi họ hoàn toàn có thể diễn đạt bằng tiếng Anh; người học không nắm bắt cơ hội để thể hiện năng lực của mình và không nhớ rằng điều cơ bản là phải họ sử dụng tiếng Anh nhiều hơn để đạt được tiến bộ ở mức cuối cùng (các lần kiểm tra).

Từ các cơ sở lý thuyết trên cùng với ảnh hưởng của NNMĐ đến NND, rõ ràng là một khi trong người học và người dạy vẫn còn quan niệm xem NNMĐ là đối tượng dự bị, chờ được thay thế và sử dụng bất kỳ lúc nào khi cần, trong các lớp học tiếng Anh, thì việc tuyệt đối hạn chế NNMĐ là rất khó khăn.

2.5. Xác định mục tiêu, phân tích giải pháp sử dụng NNMD trong dạy học NNĐ

Không thể loại trừ hoàn toàn việc sử dụng NNMD trong dạy học NNĐ, do vậy người dạy cần xác định một chiến lược sử dụng NNMD với các mục tiêu cụ thể dựa trên lợi ích của người học làm nền tảng. Có thể chia các mục tiêu ấy làm ba nhóm:

1) Sử dụng chuyển đổi dần từ NNMD sang NNĐ để tạo thuận lợi cho giao tiếp:

Ngoài yếu tố tiết kiệm thời gian như Atkinson (1987) đã đề cập, điều mong đợi chính ở nhóm này là sử dụng NNMD ở mức độ phù hợp giúp sinh viên thu nhiều lợi ích đáng kể hơn. Có thể kể ra một vài tình huống giảng viên cho rằng có thể dùng tiếng Việt:

- Một số vấn đề phức tạp khi được giải thích bằng NNĐ có thể gây khó hiểu, gây nên sự sút giảm hứng thú học tập của sinh viên, đặc biệt khi có điểm khác biệt hoàn toàn giữa NNMD và NNĐ. Tuy nhiên, giảng viên có thể dự đoán trước các vấn đề và chuẩn bị phương án giải quyết trước.

- Biện pháp dịch (từ NNĐ sang NNMD) hỗ trợ sinh viên hiểu được những văn bản, bài tập đọc hiểu, ... không thuộc chủ đề quen thuộc đối với sinh viên, hoặc sinh viên thiếu kiến thức nền trong chủ đề đó và cần được hỗ trợ mới có thể nắm được các nội dung quan trọng.

- Đối với việc sinh viên chưa hiểu hoặc nắm bắt vấn đề chưa thấu đáo trao đổi với nhau bằng NNMD, việc giảng viên chú ý đến sinh viên yếu, không ngăn cấm họ trao đổi bằng NNMD vô tình làm cho sinh viên yếu ngày càng dựa vào NNMD. Vậy nên đối với các sinh viên quá yếu, giảng viên có thể cho phép họ trao đổi bước đầu bằng Tiếng Việt trước khi chuyển dần sang sử dụng Tiếng Anh. Giáo viên có thể cải thiện tình huống này bằng cách yêu cầu sinh viên sau khi trao đổi bằng NNMD, tường thuật lại bằng NNĐ, sau đó dần hướng dẫn họ trao đổi hoàn toàn bằng NNĐ.

2) Sử dụng NNMD hỗ trợ cho mối quan hệ thầy-trò: Theo Harbord (1992) đây là một mục tiêu khá nhỏ và chỉ rất ít giảng viên thừa nhận sử dụng NNMD cho mục đích này. Thông thường giảng viên trao đổi ngoài lề bằng NNMD trước khi bắt đầu buổi học để gây hứng thú hay giảm căng thẳng ở người học. Điều này có thể vô hại, đôi khi được hiểu mang tính tích cực tạo thoải mái cho sinh viên học tập. Tuy nhiên để đạt hiệu quả tích cực hơn trong sử dụng và thực hành NNĐ, thay vì dùng NNMD, giáo viên có

thể dễ dàng chuyển hoàn toàn sang NNĐ khi muốn khởi động lớp học thông qua các câu chuyện ngắn đơn giản có thể liên quan hoặc không liên quan đến nội dung bài giảng.

3) Sử dụng NNMD để hỗ trợ cho việc học NNĐ: Mục tiêu này thường được viện dẫn từ phía người học. Tuy nhiên về phía người dạy có thể sử dụng nó như là mục tiêu đối chứng cho việc chọn những chiến lược hỗ trợ dạy NNĐ của giảng viên, nhằm làm cho người học:

- Nhận ra sự nguy hiểm của phương pháp ‘dịch’ và biết kiểm tra một cách có ý thức về thói quen ‘dịch’ vô thức của họ.

- Dạy cho người học hiểu thông qua ‘diễn dịch chức năng’, có nghĩa là dựa trên ngữ cảnh, hiểu nội dung qua các cụm từ và các mối liên hệ của ngôn ngữ. Giúp họ nhận ra “không hẳn NNMD luôn giải thích được NNĐ” hoặc “những gì có trong NNMD không hẳn luôn có trong NNĐ” (Duff - 1989) và kể cả một số kinh nghiệm trong sử dụng NNMD có khi không hề hữu ích trong học tập NNĐ.

Người dạy có thể chuẩn bị một số tài liệu hỗ trợ mang tính kỹ thuật, trong đó nêu vấn đề mang tính thực nghiệm với những dị biệt, hoặc những nét không thể thay thế giữa NNMD và NNĐ để minh họa cho ý đồ của mình.

3. Kết luận

Từ các phân tích trên có thể nói: Chỉ nên sử dụng tiếng mẹ đẻ nhằm khai thác thảo luận, ước định, làm rõ, hoặc linh động trong suy nghĩ của người học ở các giai đoạn đầu. Khi người học có một năng lực nhất định, cho dù họ chưa đạt đến một mặt bằng chung về trình độ, nếu khéo léo tổ chức các hoạt động phù hợp người dạy có thể lôi cuốn họ vào việc sử dụng hoàn toàn NNĐ trong trao đổi và trong cả độc lập tư duy.

Tài liệu tham khảo

1. Harbord J, *Techniques of using the target language*, ELT Journal 46/4, 1992.
2. Atkinson D, *The mother tongue in the classroom: a neglected resource?*, ETL Journal 41/4, 1987.
3. Danchev A., *Transfer and translation*, Finnland 2, 1982.
4. Duff A, *Translation*, Oxford University Press, Oxford, 1989.
5. Prabhu N S, *Second Language Pedagogy*, Oxford University Press, Oxford, 1989.
6. Willis D, *The Lexical Syllabus*, Collins ELT, London, 1990.